

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin từ HS Markit, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 4 của Việt Nam đạt 54.7 điểm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tiếp đà tăng trưởng trong phiên hôm nay nhờ diễn biến tích cực của thị trường cổ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

CTG, VIC

[Quan điểm đầu tư]

Khuyến nghị có thể mở lại 1 phần tỷ trọng cho vị thế trading tại các nhịp điều chỉnh trong phiên

04/04/2021

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,242.20 | +0.23 |
| VN30 | 1,328.03 | +1.20 |
| HĐTL VN30F1M | 1,320.00 | +1.46 |
| HNXIndex | 277.71 | -1.43 |
| HNX30 | 413.15 | -1.44 |
| UPCoM | 79.86 | -1.02 |
| USD/VND | 23,069 | +0.09 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.36 | -0 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.74 | +19 |
| Dầu (WTI, \$) | 65.06 | +0.88 |
| Vàng (LME, \$) | 1,788.09 | -0.27 |

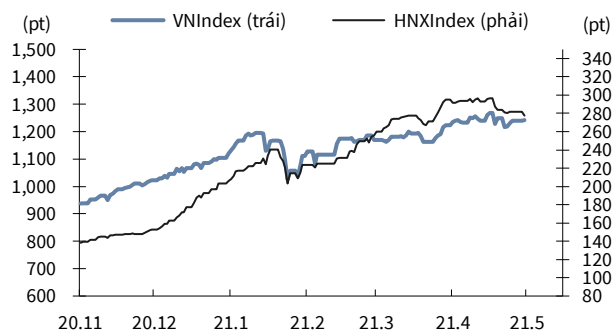


Điểm nhấn thị trường

| | |
|------------------------------------|--------------------------|
| VNIndex | 1,242.20 (+0.23%) |
| KLGD (triệu CP) | 712.6 (+20.8%) |
| GTGD (triệu US\$) | 931.2 (+11.2%) |
| HNXIndex | 277.71 (-1.43%) |
| KLGD (triệu CP) | 100.6 (-17.2%) |
| GTGD (triệu US\$) | 78.8 (+6.1%) |
| UPCoM | 79.86 (-1.02%) |
| KLGD (triệu CP) | 38.9 (-9.5%) |
| GTGD (triệu US\$) | 24.9 (+6.0%) |
| NĐTNN mua ròng (triệu US\$) | -28.1 |

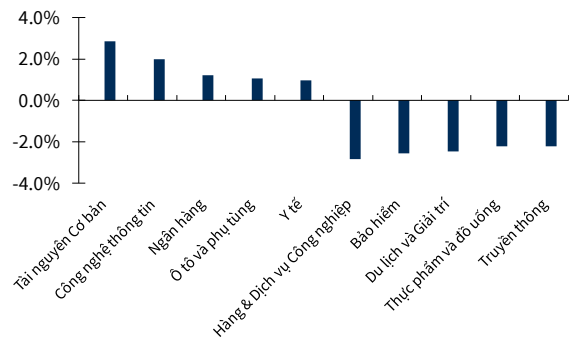
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin từ HS Markit, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 4 của Việt Nam đạt 54.7 điểm, tăng 1.1 điểm phần trăm so với tháng trước bất chấp tình hình dịch bệnh bùng phát trở lại. Cổ phiếu ngành ngân hàng tăng giá CTG (+5.4%), BIDV (+0.7%) sau khi Ngân hàng Nhà nước công bố tính đến ngày 16/4/2021, tổng phương tiện thanh toán M2 tăng 15.66% so với cùng kỳ năm 2020 và tín dụng toàn nền kinh tế tăng 3.34% so với cuối năm 2020. Hiệp hội mía đường Việt Nam (VSSA) cho biết lượng đường nhập khẩu với ưu thế giá rẻ đã hoàn toàn bịt đầu ra của đường sản xuất từ mía trong nước khiến đường sản xuất buộc phải tồn kho hoặc giảm giá khiến cổ phiếu ngành mía đường giảm giá LSS (-3%), SBT (-1.3%). Theo thông tin từ Bộ Y tế, Việt Nam xuất hiện nhiều ca nhiễm Covid-19 trong cộng đồng tác động tiêu cực đến cổ phiếu ngành hàng không HVN (-5.9%), VJC (-0.7%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (+2.9%), VPB (+1.7%), KBC (+0.3%).

VNIndex & HNXIndex



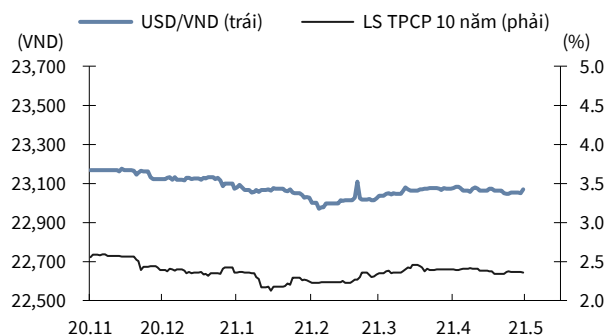
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



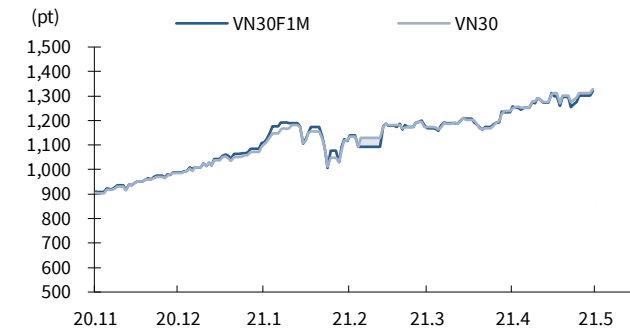
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,328.03 (+1.20%) |
| VN30F1M | 1,320.0 (+1.46%) |
| Mở cửa | 1,278.0 |
| Cao nhất | 1,327.1 |
| Thấp nhất | 1,273.2 |
| KLGD (HĐ) | 194,617 (-0.0%) |

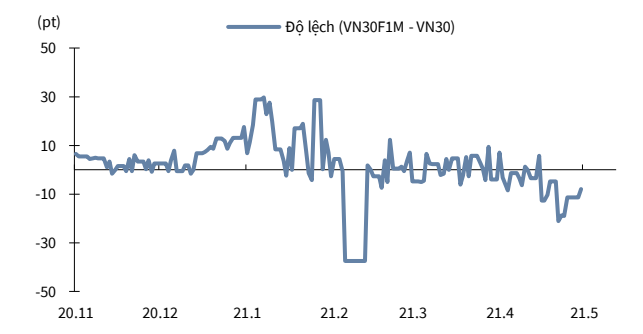
HĐTL tiếp đà tăng trưởng trong phiên hôm nay nhờ diễn biến tích cực của thị trường cổ sở. Chênh lệch F2105 và VN30 mở cửa ở mức -34.28 nhưng nhanh chóng thu hẹp trong phiên, đóng cửa ở mức -8.03. NĐTNN bán ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường không thay đổi nhiều.

HĐTL VN30F1M & VN30



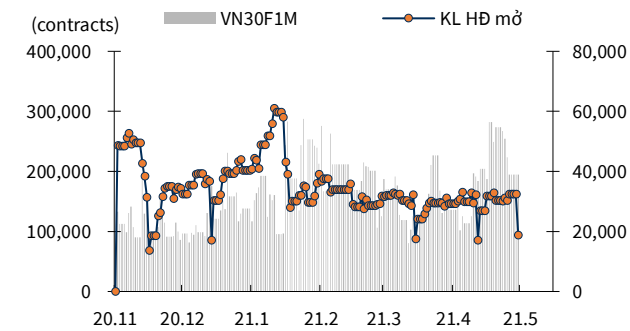
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



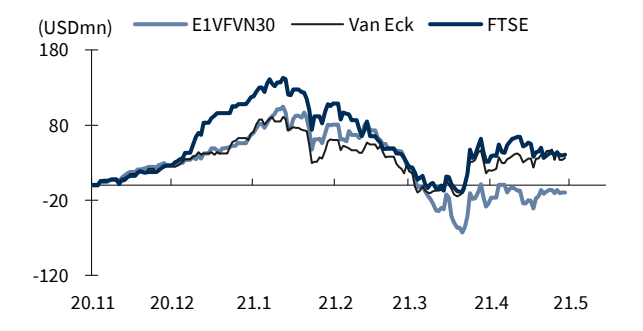
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

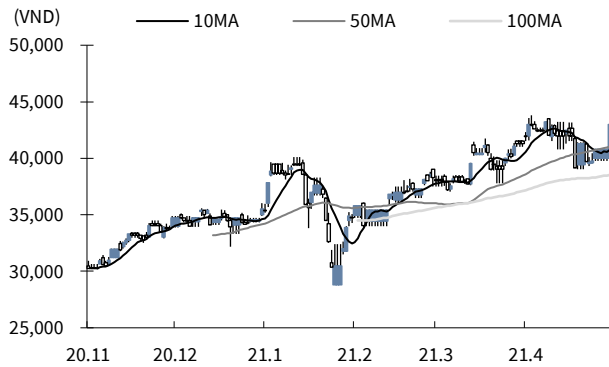
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

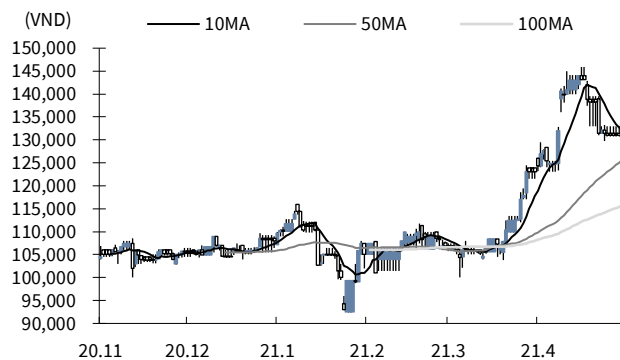
Vietinbank (CTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG tăng 5.4% lên 43,000 VNĐ/cp.
- CTG ghi nhận lợi nhuận trước thuế Q1/2021 đạt 8,060 tỷ đồng (+171% YoY). Kết quả kinh doanh tích cực nhờ lãi thuần trước trích lập tăng 28% lên 9,410 tỷ đồng và chi phí dự phòng giảm 69% xuống 1.350 tỷ đồng do không còn cần trích lập trái phiếu VAMC.

Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC tăng 2% lên 133,600 VNĐ/cp.
- VIC công bố kết quả kinh doanh Q1/2021 với lợi nhuận đạt 868 tỷ đồng (+72% YoY) và doanh thu 23,294 tỷ đồng (+52% YoY) nhờ tiếp tục bàn giao và ghi nhận doanh thu tại ba Đại đô thị Vinhomes Ocean Park, Smart City và Grand Park, cùng doanh thu hoạt động sản xuất xe và điện thoại tiếp tục tăng trưởng tốt.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



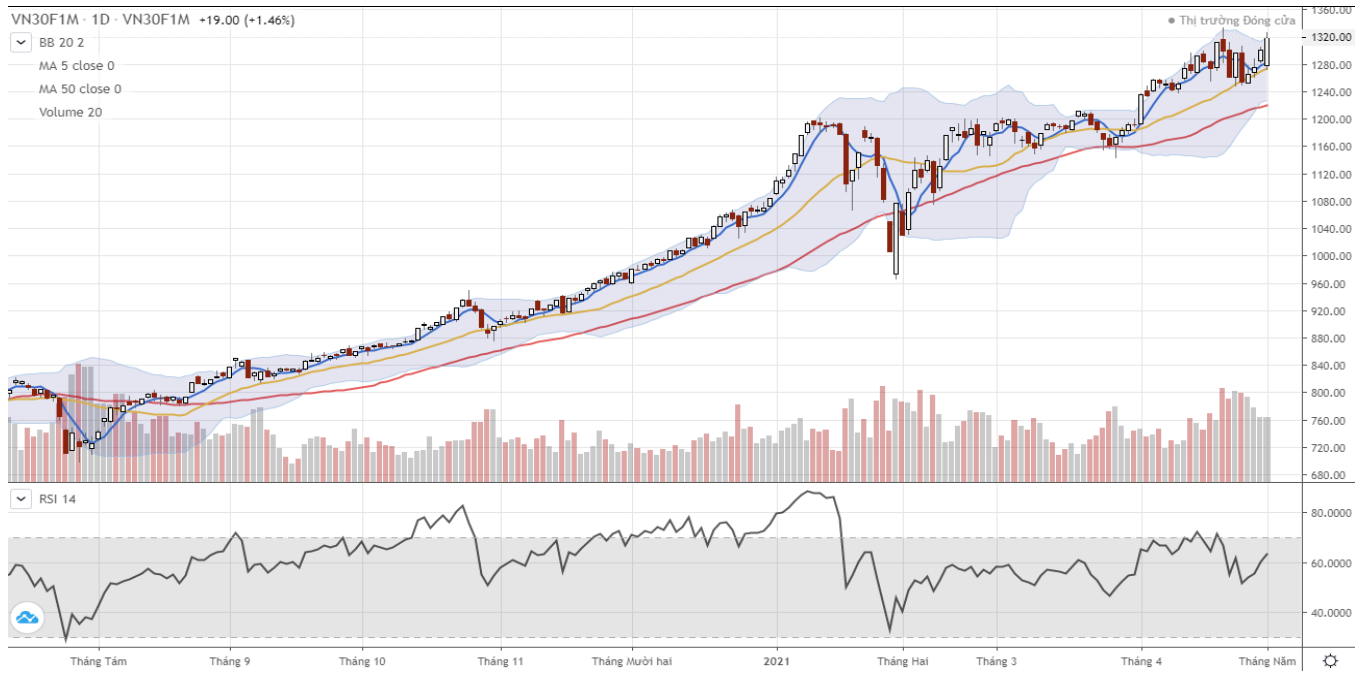
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex vấp phải lực bán mạnh đầu phiên nhưng đã sớm hồi phục và dần mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Với việc tiếp tục phản ứng tích cực với vùng hỗ trợ quanh 1210 chúng tôi cho rằng chỉ số đang có nhiều cơ hội bứt phá qua vùng kháng cự 1240 (+5) trước khi thử thách lại vùng đỉnh cũ.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở lại 1 phần tỷ trọng cho vị thế trading tại các nhịp điều chỉnh trong phiên.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1339 - 1344

Kháng cự gần: 1323 - 1325

Hỗ trợ gần: 1313 - 1316

Hỗ trợ xa: 1304 - 1309

- F1 vấp phải lực bán mạnh đầu phiên nhưng sau đó đã sớm hồi phục và mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Với việc 1 lần nữa vượt cản thành công, chúng tôi cho rằng chỉ số đang có nhiều cơ hội vượt vùng đỉnh cũ và hướng tới vùng cản tiếp theo tại 134x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG nếu F1 điều chỉnh sớm trước khi tiếp cận vùng cản.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế qua đêm đã mở trở lại.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

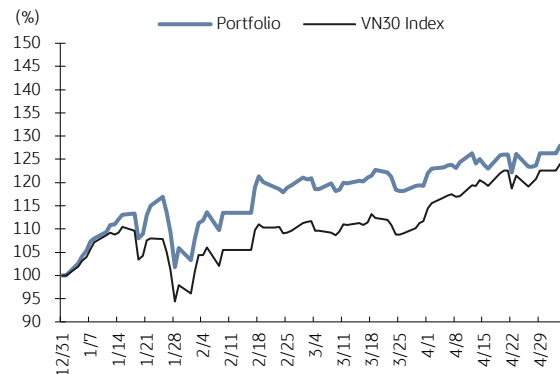
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 1.20% | 1.31% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 24.03% | 27.97% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Ma-CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 04/05/2021 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|--------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 139,400 | -1.1% | 20.3% | <ul style="list-style-type: none"> - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 38,500 | 6.1% | 57.4% | <ul style="list-style-type: none"> - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 95,200 | -2.9% | 24.2% | <ul style="list-style-type: none"> - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 31,250 | 3.0% | 83.9% | <ul style="list-style-type: none"> - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đẩy nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 52,100 | -2.8% | 53.2% | <ul style="list-style-type: none"> - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 82,900 | 2.5% | 147.6% | <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 43,000 | 5.4% | 76.2% | <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 83,300 | -0.2% | 13.5% | <ul style="list-style-type: none"> - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 59,800 | 2.9% | 206.0% | <ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbac City Development (KBC) | 09/03/2020 | 37,550 | 0.3% | 174.1% | <ul style="list-style-type: none"> - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| STB | 0.8% | 10.6% | 92.4 |
| NVL | 0.1% | 7.6% | 74.6 |
| MSN | -2.2% | 32.7% | 26.8 |
| HSG | 5.8% | 7.5% | 17.8 |
| MBB | 3.0% | 22.9% | 17.4 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | 2.9% | 30.1% | -356.7 |
| VPB | 1.7% | 23.2% | -189.3 |
| KBC | 0.3% | 21.9% | -56.1 |
| VRE | -2.2% | 30.5% | -53.0 |
| KDH | 512.0% | 32.2% | -49.9 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| BAX | -1.1% | 10.4% | 0.9 |
| CVN | -1.0% | 0.5% | 0.7 |
| IDV | -1.4% | 18.3% | 0.6 |
| BVS | -1.9% | 10.0% | -0.0 |
| PMC | -1.4% | 17.7% | 0.4 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| VND | 2.5% | 24.5% | -16.9 |
| SHS | 0.7% | 9.0% | -1.0 |
| KLF | -9.1% | 0.5% | -0.8 |
| NSC | 2.5% | 7.0% | -0.6 |
| TVB | -1.4% | 0.1% | -0.4 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | 5.9% | HPG, HSG |
| Hóa chất | 5.8% | GVR, DGC |
| Ngân hàng | 4.2% | VPB, TCB |
| Ô tô và phụ tùng | 2.6% | TCH, SVC |
| Công nghệ thông tin | 2.3% | FPT, CMG |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | -3.6% | YEG, ADG |
| Thực phẩm và đồ uống | -3.3% | VNM, SAB |
| Du lịch và Giải trí | -3.1% | HVN, VJC |
| Bảo hiểm | -1.9% | BVH, MIG |
| Bán lẻ | -1.5% | MWG, ABS |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | 27.5% | HPG, HSG |
| Bất động sản | 14.8% | VIC, NVL |
| Ngân hàng | 12.0% | VPB, CTG |
| Bán lẻ | 10.6% | MWG, ABS |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 10.2% | PNJ, TCM |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | -21.9% | YEG, PNC |
| Dầu khí | -13.8% | PLX, PVD |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -9.3% | GAS, POW |
| Du lịch và Giải trí | -9.1% | VJC, HVN |
| Hóa chất | -7.8% | AAA, DCM |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtriệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 110,000 | 372,067 (16,170) | 368,102 (16.0) | 22.5 | 83.3 | 53.1 | 14.7 | 8.1 | 10.4 | 4.9 | 4.4 | 2.0 | -3.4 | 8.6 | 23.5 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 103,200 | 339,478 (14,753) | 592,811 (25.7) | 26.6 | 10.7 | 8.9 | 35.9 | 31.2 | 28.3 | 2.8 | 2.2 | -0.1 | -5.5 | -1.5 | 10.8 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 253,836 (11.0) | 17.8 | 25.0 | 20.0 | -7.6 | 9.3 | 10.5 | 2.3 | 2.0 | -2.2 | -4.6 | -7.5 | -0.3 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 81,500 | 86,712 (3,768) | 318,418 (13.8) | 31.3 | 32.9 | 25.5 | 6.7 | 13.5 | 15.4 | 4.3 | 3.6 | 0.1 | 22.9 | 60.4 | 101.5 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 34,300 | 19,167 (833) | 142,539 (6.2) | 11.6 | 16.9 | 12.8 | 18.0 | 15.2 | 17.6 | 2.3 | 2.0 | 5.1 | 4.7 | 18.1 | 26.1 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 24,300 | 12,594 (547) | 189,245 (8.2) | 13.9 | 16.7 | 8.2 | - | 10.9 | 18.9 | 1.5 | 1.3 | -2.3 | -4.8 | -6.5 | 43.6 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 102,000 | 378,305 (16,441) | 222,760 (9.7) | 6.3 | 17.2 | 13.9 | 11.7 | 20.6 | 21.6 | 3.1 | 2.6 | -0.9 | -4.7 | 1.3 | 1.2 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 43,400 | 174,556 (7,586) | 147,933 (6.4) | 12.7 | 16.8 | 11.8 | -5.3 | 11.9 | 15.4 | 1.8 | 1.5 | 0.7 | -1.7 | -8.2 | -13.8 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 513,330 (22.3) | 0.0 | 10.2 | 8.7 | 14.3 | 18.4 | 18.0 | 1.7 | 1.4 | 5.9 | 7.2 | 5.2 | 37.8 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 36,800 | 137,021 (5,955) | 664,058 (28.8) | 1.4 | 9.1 | 8.3 | 61.1 | 19.5 | 19.0 | 1.6 | 1.4 | 5.4 | 4.1 | 4.1 | 24.5 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 41,300 | 101,381 (4,406) | 649,750 (28.2) | 0.0 | 12.1 | 10.1 | 18.8 | 20.6 | 19.9 | 2.3 | 1.8 | 1.7 | 16.7 | 28.8 | 83.1 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 26,200 | 73,327 (3,187) | 574,085 (24.9) | 0.0 | 8.4 | 7.0 | 14.6 | 19.8 | 20.3 | 1.5 | 1.3 | 3.0 | 3.1 | 5.6 | 37.1 |
| | HDB | HDBANK | 25,500 | 40,641 (1,766) | 126,419 (5.5) | 4.2 | 8.0 | 6.7 | 23.3 | 20.4 | 20.5 | 1.6 | 1.4 | -0.2 | 1.1 | -0.2 | 14.5 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 957,194 (41.5) | 14.0 | 16.6 | 10.0 | 26.5 | 9.7 | 13.5 | 1.4 | 1.3 | 0.8 | 7.3 | 6.6 | 42.6 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 27,850 | 28,732 (1,249) | 149,329 (6.5) | 0.0 | 7.0 | 5.4 | 37.5 | 23.3 | 23.4 | 1.4 | 1.1 | 2.2 | 0.0 | -1.1 | 4.5 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 38,507 (1.7) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | - | -3.8 | -2.0 | 29.4 | 37.1 |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 62,108 (2.7) | 21.0 | 24.0 | 20.3 | 15.2 | 8.2 | 9.5 | 1.9 | 1.8 | -3.0 | -5.8 | 10.0 | -15.8 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 26,700 | 2,439 (106) | 15,156 (0.7) | 14.2 | 13.6 | 11.8 | 9.1 | 9.3 | 10.2 | 1.1 | 1.0 | -0.9 | -4.5 | 6.0 | -9.8 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 33,300 | 19,947 (867) | 465,428 (20.2) | 55.4 | 14.7 | 13.7 | -3.2 | 12.7 | 12.8 | - | - | 0.9 | -0.3 | -4.1 | -0.6 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 55,000 | 9,108 (396) | 86,968 (3.8) | 71.9 | 13.3 | - | -4.0 | 15.5 | - | - | - | 0.2 | 0.0 | -6.2 | 6.9 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 29,200 | 8,907 (387) | 130,120 (5.6) | 52.4 | 16.3 | - | -19.0 | 15.4 | - | 2.1 | - | 2.0 | -0.6 | -4.3 | -0.3 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 27,500 | 5,734 (249) | 257,486 (11.2) | 27.2 | - | - | 36.3 | 11.2 | - | - | - | 2.5 | 2.2 | 22.8 | 23.7 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 404,793 (17.5) | 42.1 | 17.8 | 16.3 | 4.0 | 34.5 | 34.9 | 5.6 | 5.1 | -2.0 | -7.9 | 10.8 | -15.8 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 29,521 (1.3) | 36.9 | 19.9 | 17.1 | 7.3 | 25.4 | 26.0 | 4.4 | 4.1 | -3.5 | -5.2 | 10.4 | -17.3 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 95,100 | 111,712 (4,855) | 306,472 (13.3) | 16.5 | 38.9 | 25.2 | -51.9 | 13.8 | 20.5 | 5.9 | 4.7 | -2.1 | -4.1 | 3.5 | 7.9 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 175,447 (7.6) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | - | -2.6 | -3.4 | -6.7 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 70,381 (3.1) | 11.0 | 60.0 | 21.2 | -88.3 | 5.2 | 18.8 | 4.0 | 3.2 | -0.7 | -4.2 | -6.3 | -0.8 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 80,789 (3.5) | 10.8 | 20.7 | 16.0 | -57.0 | 7.8 | 10.5 | 1.6 | 1.7 | -0.9 | 1.2 | -2.6 | 4.0 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 57,282 (2.5) | 38.4 | 12.0 | 8.3 | 65.7 | 8.8 | 10.6 | 1.0 | 1.0 | -1.5 | -6.3 | 22.9 | -6.5 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 289,641 (12.6) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | -6.8 | 22.1 | 27.4 | 137.2 |
| | GEX | VIETNAM ELECTRIC | 21,600 | 10,411 (452) | 189,024 (8.2) | 37.7 | 23.2 | 12.2 | -12.7 | 9.9 | 14.7 | - | - | -0.8 | 0.6 | 9.5 | 17.3 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 43,839 (1.9) | 3.6 | 8.9 | 8.5 | -52.4 | 6.1 | 6.7 | 0.6 | 0.6 | -3.1 | -7.9 | 15.5 | -19.9 |
| | REE | REE | 59,600 | 18,419 (800) | 28,339 (1.2) | 0.0 | 9.0 | 7.7 | -4.5 | 14.6 | 13.0 | 1.2 | 1.4 | -2.8 | -0.4 | -3.0 | 6.4 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn) | GTGD (VND triệu, USD mn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiền ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 80,628 (3.5) | 46.1 | 15.7 | 15.0 | -17.5 | 19.5 | 19.7 | 3.0 | 2.8 | -0.2 | -3.1 | -7.8 | -3.8 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 11,484 (0.5) | 31.4 | 12.9 | 10.5 | -10.5 | 12.6 | 15.8 | 1.4 | 1.5 | -2.4 | -2.8 | -8.4 | -15.9 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 18,235 (0.8) | 34.1 | 12.1 | 11.7 | -5.1 | 11.6 | 12.3 | 1.4 | 1.4 | 3.1 | 3.9 | 7.5 | 14.7 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 43,850 | 145,287 (6,314) | 1,346,099 (58.4) | 18.0 | 10.0 | 9.2 | 21.9 | 28.0 | 24.4 | 2.5 | 2.3 | 2.9 | 6.0 | 21.9 | 44.3 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 27,544 (1.2) | 36.5 | 10.7 | 13.0 | -0.5 | 9.1 | 7.5 | 0.9 | 0.9 | -1.8 | -0.8 | -8.1 | -0.5 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 49,064 (2.1) | 46.5 | 15.1 | 16.0 | -4.5 | 9.6 | 9.0 | 1.3 | 1.3 | -0.6 | -1.5 | 11.9 | 13.6 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 24,900 | 11,063 (481) | 329,464 (14.3) | 38.9 | 8.8 | 8.4 | 67.9 | 21.9 | 21.4 | 1.8 | 1.6 | 5.8 | 11.4 | 16.3 | 51.7 |
| | AAA | AN PHÁT BIOPLAST | 14,150 | 3,138 (136) | 85,082 (3.7) | 97.2 | 10.4 | 9.4 | 17.2 | 10.3 | 11.0 | 1.0 | 0.9 | -2.7 | -4.5 | -3.9 | 11.1 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 73,072 (3.2) | 4.6 | 17.1 | 15.2 | -51.0 | 16.5 | 17.2 | 2.7 | 2.5 | -1.3 | -2.6 | 12.1 | -9.1 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 23,400 | 9,854 (428) | 124,995 (5.4) | 39.9 | 26.8 | 13.9 | -11.9 | 1.7 | 3.1 | 0.5 | 0.5 | -3.1 | -9.5 | 19.5 | 14.5 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 53,715 (2.3) | 35.9 | 7.9 | 7.3 | 1.2 | 13.7 | 13.9 | 1.0 | 1.0 | 0.0 | -3.0 | -8.0 | 15.7 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 139,500 | 65,024 (2,826) | 142,806 (6.2) | 0.0 | 13.3 | 10.6 | 13.7 | 27.6 | 27.8 | 3.3 | 2.8 | -1.1 | -5.5 | 3.4 | 17.2 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 62,956 (2.7) | 0.0 | 17.4 | 13.7 | 2.4 | 22.7 | 23.7 | 3.7 | 3.0 | -2.9 | -0.8 | 7.3 | 17.5 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 8,327 (0.4) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | -4.6 | -8.4 | 41.4 | -50.3 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 45,552 (2.0) | 30.3 | 14.4 | 12.1 | -75.2 | 10.2 | 14.1 | - | - | -0.4 | -4.9 | 12.9 | -15.9 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 33,411 (1.4) | 34.6 | 8.4 | 8.4 | 41.2 | 26.4 | 23.4 | 2.0 | 2.1 | -4.3 | -2.9 | 14.7 | -19.0 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 1,374 (0.1) | 45.4 | 17.8 | 16.8 | 10.7 | 21.1 | 20.6 | 3.5 | 3.2 | 2.9 | 3.2 | 2.8 | -1.3 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | 202 (0.0) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | 0.0 | 0.1 | -2.5 | 0.8 |
| IT | FPT | FPT CORP | 78,200 | 61,301 (2,664) | 184,501 (8.0) | 0.0 | 16.5 | 13.9 | 15.6 | 24.4 | 25.8 | 3.6 | 3.1 | 2.5 | -0.1 | 3.9 | 40.3 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.